

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/KDTM-ST
Ngày: 11-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Trung

2/ Ông Lại Hữu Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 45/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2024/QĐST-KDTM ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư T

Địa chỉ: Lô LG11, Đường số 2, KCN X, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Th.

Địa chỉ: Số nhà BA31 KDC 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Chính Tr, sinh năm 1975. Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư T có ông Trần Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/01/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư T (sau đây gọi là Công ty Cổ phần Đầu tư T) có ký Hợp đồng kinh tế số 031101/TSG/HĐ/2022 với Công ty Th (sau đây gọi là Công ty Th) về việc “Mua bán bê tông thương phẩm” cho công trình Nhà Xưởng Khu Công Nghiệp X, huyện Đ, Tỉnh Long An.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư T luôn hoàn thành các nghĩa vụ của mình, giao hàng đến công trình đúng và đầy đủ theo các Bảng xác nhận khối lượng. Công ty Cổ phần Đầu tư T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Th với tổng giá trị là 725.220.000 đồng theo các hóa đơn giá trị gia tăng số: 000018 ngày 29/01/2022, số 0000192 ngày 30/01/2022, số 0000266 ngày 08/04/2022, số 0000283 ngày 20/04/2022.

Công ty Th đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư T với tổng số tiền là 291.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 26/01/2022: Thanh toán 200.000.000 đồng.
- Ngày 05/03/2022: Thanh toán 11.100.000 đồng.
- Ngày 09/04/2022: Thanh toán 80.000.000 đồng.

Đến nay, Công ty Th còn nợ Công ty Cổ phần Đầu tư T số tiền gốc là 434.120.000 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư T đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty Th thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng Công ty Th không hợp tác và chưa thanh toán số tiền còn lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư T.

Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty Th phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư T số tiền nợ gốc là 434.120.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán (tính từ tháng 12/2022 đến tháng 28/12/2023 là 12 tháng) với lãi suất 9%/năm là: $434.120.000 \text{ VNĐ} \times 9\% = 39.070.800$ đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 473.190.800 đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu Công ty Th phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư T số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 434.120.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 12/2022 đến ngày 28/12/2023 là 12 tháng với lãi suất 9%/năm là 39.070.800 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn tám trăm đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết và xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Bị đơn đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Kiến nghị về vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty Cổ phần Đầu tư T khởi kiện yêu cầu Công ty Th trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số: 031101/TSG/HĐ/2022 ngày 11/01/2022. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty Th có trụ sở tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ công văn số 4700/ĐKKD-T6 về việc cung cấp thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/6/2023: Đến nay, Công ty Th chưa đăng ký giải thể. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà BA31 KDC Phong Phú 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp đối chiếu chứng cứ, phiên hòa giải cho Công ty Th nhưng Công ty Th không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Bị đơn Công ty Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh

của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ gốc là 434.120.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở xác định ngày 11/01/2022 Công ty Cổ phần Đầu tư T và Công ty Th có ký kết Hợp đồng kinh tế số 031101/TSG/HĐ/2022. Việc giao kết hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đầu tư T và Công ty Th phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực pháp luật, do đó quyền, nghĩa vụ của các bên đã phát sinh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư T đã cung cấp bê tông cho Công ty Th theo các Biên bản xác nhận khối lượng ngày 24/01/2022, 25/01/2022, 05/03/2022, 18/03/2022, 29/03/2022, 09/04/2022. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị là 725.220.000 đồng theo các hóa đơn giá trị gia tăng số: 000018 ngày 29/01/2022, số 0000192 ngày 30/01/2022, số 0000266 ngày 08/04/2022, số 0000283 ngày 20/04/2022. Công ty Th đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư T tổng số tiền là 291.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 434.120.000 đồng. Từ ngày 09/4/2022, Công ty Th không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền hàng nào cho Công ty Cổ phần Đầu tư T là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều III của Hợp đồng kinh tế số 031101/TSG/HĐ/2022 ký kết giữa hai bên. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty T yêu cầu Công ty Th thanh toán số tiền hàng còn nợ gốc là 434.120.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Công ty Cổ phần Đầu tư T yêu cầu Công ty Th trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm trên số tiền nợ gốc 434.120.000 đồng tính từ tháng 12/2022 đến ngày 28/12/2023 là 12 tháng là 39.070.800 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Do Công ty Th không thanh toán tiền nợ cho Công ty Cổ phần Đầu tư T nên yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư T yêu cầu Công ty Th trả tiền lãi do chậm thanh toán là có cơ sở để chấp nhận.

Tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định *“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 thì khi xác định mức lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần CI, Ngân hàng NI...) có*

trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán để quyết định mức lãi suất chậm trả...”

Theo Văn bản số 366/CCTT-TSG-KT ngày 02/4/2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn thì lãi suất trong hạn là 9%/năm, Văn bản số 382/NHNONTPHCM-KHDN ngày 08/4/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất trong hạn là 9,6%/năm; Văn bản số 22/2024/CV-CNBC ngày 09/4/2024 của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Chánh thì lãi suất trong hạn là 12.5%/năm. Như vậy, lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng là 15,55%/năm. Do đó, mức lãi suất Công ty Cổ phần Đầu tư T yêu cầu là 9%/năm và thời gian tính lãi từ tháng 12/2022 đến ngày 28/12/2023 với số tiền lãi 39.070.800 đồng là có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, bị đơn không thực hiện việc thanh toán đủ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn thanh toán ngay một lần tiền hàng còn nợ và tiền lãi theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Luật Thi hành án Dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư T.

Buộc Công ty Th có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư T số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 031101/TSG/HĐ/2022 ngày 11/01/2022 là 473.190.800 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng), (trong đó tiền nợ gốc là 434.120.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 39.070.800 đồng).

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Đầu tư T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.927.632 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Công ty Cổ phần Đầu tư T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư T 12.800.672 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0042901 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



Đinh Thị Hoài Thu